

DI CƯ LAO ĐỘNG CỦA NGƯỜI BRU-VÂN KIỀU Ở MỘT XÃ VÙNG BIÊN GIỚI VIỆT NAM - LÀO TẠI TỈNH QUẢNG BÌNH¹

ThS. Đoàn Việt
Viện Dân tộc học
Email: viet_dth@yahoo.com

Tóm tắt: Do khó khăn về điều kiện phát triển kinh tế, ít đất sản xuất, thiếu việc làm nên di cư lao động ở trong và ngoài nước được nhiều người Bru-Vân Kiều khu vực biên giới Việt - Lào tỉnh Quảng Bình ưu tiên lựa chọn. Phần lớn những người thực hiện di cư này thường ở tuổi thanh niên, đã hoặc chưa lập gia đình. Song, di cư lao động ở đồng bào vẫn đang đối mặt với nhiều thách thức: tỷ lệ hộ nghèo cao, học vấn và chất lượng lao động thấp, mạng lưới xã hội hạn hẹp,... Mười năm trở lại đây, xuất khẩu lao động được giới trẻ Bru-Vân Kiều quan tâm, nhưng chi phí ban đầu còn cao và khó khăn trong vượt qua rào cản tâm lý tộc người. Vì thế, rất cần sự nỗ lực hơn nữa của các cấp các ngành và cơ quan chức năng trong việc tạo điều kiện tuyển dụng, đảm bảo quyền lợi cho người di cư lao động là dân tộc thiểu số ở miền núi biên giới như người Bru-Vân Kiều nơi đây.

Từ khóa: Di cư lao động, Bru-Vân Kiều, biên giới Việt - Lào, Quảng Bình.

Abstract: Due to challenges in economic development, limited land for production, and a lack of job opportunities, labor migration within and outside the country has become a priority for many Bru-Van Kieu people in the Vietnam-Laos border area of Quang Binh province. Most of these migrants are young, both married and unmarried. However, labor migration among ethnic minorities still faces many challenges, including high poverty rates, low education and labor quality, and limited social networks. Over the past ten years, labor export has attracted the interest of young Bru-Van Kieu people, but the initial costs remain high, and overcoming ethnic psychological barriers is difficult. Therefore, increased efforts are needed from all levels of administration to facilitate recruitment and ensure the rights of migrant workers who are ethnic minorities from mountainous border areas like the Bru-Van Kieu.

Keywords: Labour migration, Bru-Van Kieu, Vietnam - Laos border, Quang Binh.

Ngày nhận bài: 1/7/2024; ngày gửi phản biện: 9/7/2024; ngày duyệt đăng: 19/8/2024.

¹ Bài viết này là kết quả nghiên cứu của Đề tài khoa học cấp Bộ (2023 - 2024): “Vấn đề phòng chống thiên tai của người Bru-Vân kiều ở vùng biên giới Việt Nam - Lào tại tỉnh Quảng Bình”, do TS. Nguyễn Công Thảo làm Chủ nhiệm, Viện Dân tộc học chủ trì.

Mở đầu

Di cư lao động là một trong những chiến lược thích ứng của người dân các tộc người khi gặp khó khăn về điều kiện phát triển kinh tế, sở hữu ít diện tích đất đai và trong bối cảnh bất ổn về môi trường, thiếu việc làm, gia tăng sự đói nghèo, suy giảm an ninh lương thực tại địa phương. Ở nước ta, giai đoạn từ những năm 1980 trở về trước, hoạt động kinh tế của người dân các dân tộc thiểu số (DTTS) sinh sống ở nhiều địa phương thuộc vùng núi, biên giới chủ yếu theo hình thức du canh du cư tại các vùng đất mà họ có thể khai phá để sản xuất nông nghiệp. Từ khi Đổi mới đất nước năm 1986, nhất là sau năm 2000, cùng với sự phát triển sâu rộng về kinh tế thị trường, tăng cường toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế, di cư lao động của đồng bào các dân tộc đến các thành phố lớn, khu công nghiệp, khu chế xuất, nông trại..., kể cả qua biên giới và xuyên quốc gia Việt Nam đang ngày càng tăng.

Đến nay đã có không ít công trình nghiên cứu của các nhà Dân tộc học/Nhân học về vấn đề di cư lao động của người dân các DTTS sinh sống ở các khu vực, vùng miền nước ta, bao gồm các địa phương thuộc nội địa và vùng biên giới, theo các hình thức di cư lao động trong nước, qua biên giới và xuyên quốc gia. Có thể kể tới một số nghiên cứu của các tác giả như Bùi Xuân Đính, Nguyễn Ngọc Thanh và các tác giả (2013), Lý Hành Sơn (2014), Vũ Đình Mười (2020), Nguyễn Văn Chính (2021), Lê Minh Anh, Lê Thị Mùi và các tác giả (2022), Đặng Văn Minh (2022), Clara Jullien (2023),... Để làm rõ thêm vấn đề di cư lao động của người DTTS nước ta hiện nay, thông qua tư liệu nghiên cứu thực địa năm 2023 - 2024, bài viết này tập trung phân tích thực trạng và những thách thức trong quá trình di cư lao động của người Bru-Vân Kiều ở khu vực biên giới Việt Nam - Lào tại xã Trường Sơn, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

1. Tình hình di cư lao động của người Bru-Vân Kiều

1.1. Địa bàn nghiên cứu

Trường Sơn là xã vùng cao biên giới nằm ở phía tây của huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình, tiếp giáp Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào. Tổng diện tích tự nhiên của xã là 783.38km², phần lớn địa hình thuộc khu vực rừng núi Trường Sơn, bị chia cắt bởi các dãy núi đá cao và dốc, theo hướng trải dài từ Bắc xuống Nam, thấp dần từ Tây sang Đông. Tính đến cuối năm 2023, tổng dân số của xã có 5.316 người, chủ yếu hai dân tộc Kinh (1.968 người, chiếm 37%) và Bru-Vân Kiều² (3.348 người, chiếm 63%). Diện tích tự nhiên toàn xã tuy khá rộng nhưng đất canh tác nông nghiệp lại không nhiều, bởi cả xã có 559,29ha đất nông nghiệp. Trong đó, đất trồng lúa nước là 22,96ha, phân bố chủ yếu ở 7 thôn/bản của người Bru-Vân Kiều. Bản có ít nhất chỉ khoảng hơn 1ha, bản có nhiều nhất khoảng 7ha, vì thế tỷ lệ số hộ sở

² Người Bru-Vân Kiều cư trú chủ yếu tại 15 thôn/bản của xã Trường Sơn: Chân Tròng, Thượng Sơn, Bền Đường, Đá Chát, Cây Cà, Trung Sơn, Dốc Mây, Cây Sứ, Cỏ Tràng, Sát, Hôi Ráy, Nước Đắng, Khe Cát, Rìn Rìn và Ploang. Mật độ phân bố dân cư tại các thôn này cách nhau khá xa, giao thông đi lại khó khăn, nhiều cụm dân cư đến nay vẫn chưa có điện lưới và sóng điện thoại.

hữu ruộng lúa nước chỉ đạt 24,61%; đất trồng ngô và rau, hoa màu có khoảng 20ha ở rải rác hầu khắp các thôn/bản người Bru-Vân Kiều (UBND xã Trường Sơn, 2023).

Đến nay, đời sống kinh tế của người Bru-Vân Kiều ở xã Trường Sơn vẫn cơ bản dựa vào sản xuất nông - lâm nghiệp như trồng trọt, chăn nuôi, trồng cây keo kết hợp khai thác các nguồn lợi tự nhiên từ rừng nguyên sinh. Vì thế, thu nhập bình quân đầu người chỉ đạt 17 triệu đồng/năm, dẫn đến tỷ lệ hộ nghèo khá cao, chiếm tới 30,56%; cận nghèo là 12,65%. Nguyên nhân chủ yếu do thiếu đất sản xuất, đặc biệt là đất nông nghiệp và đồng cỏ để chăn nuôi. Ông H.V.K. (58 tuổi, người Bru-Vân Kiều ở bản Khe Cát) cho biết rằng, diện tích ruộng lúa của bản Khe Cát chỉ có 1,5ha nhưng trong hai năm 2022 - 2023 hầu như không cấy được do hạn hán, phải chuyển sang trồng một số loại cây khác như ngô, đậu, lạc với sản lượng thu hoạch bấp bênh. Chăn nuôi gia súc, gia cầm của đồng bào đến nay vẫn còn khá hạn chế, số lượng vật nuôi cũng khiêm tốn. Chẳng hạn năm 2023, theo báo cáo của trưởng thôn bản Sắt, cả bản này có 35 hộ dân, chỉ 14 hộ nuôi trâu với số lượng 42 con, 15 hộ nuôi lợn với tổng số 25 con, riêng tổng đàn gia cầm cả năm chỉ khoảng 250 con. Tại điểm nghiên cứu tiếp theo là bản Khe Cát, theo báo cáo của trưởng thôn này, trong 106 hộ cả bản chỉ có 42 hộ chăn nuôi gia súc, với tổng đàn là 31 con trâu, 65 con bò, 55 con lợn; tổng đàn gia cầm của bản có khoảng hơn 1.000 con. Rõ ràng, tỷ lệ số hộ người Bru-Vân Kiều hoạt động chăn nuôi không cao.

Diện tích đất rừng trồng keo của xã Trường Sơn tính đến cuối năm 2023 đạt 1.994,4ha; trong đó diện tích của 15 bản có người Bru-Vân Kiều sinh sống là 1.265ha. Theo số liệu của Ủy ban nhân dân xã Trường Sơn, 100% số hộ dân trong xã đều tham gia trồng keo, nhưng tùy thuộc vào điều kiện kinh tế và đất sản xuất của mỗi hộ gia đình mà hiệu quả kinh tế có sự khác biệt. Ông H.T. (38 tuổi, người Bru-Vân Kiều ở bản Sắt) cho biết: "*Cây keo trồng 4 - 5 năm mới cho thu hoạch. Nhiều gia đình cần tiền đã vay trước hoặc bán non diện tích keo của mình. Giá trị khi bán non và giá trị khi thu hoạch của cây keo thường chênh lệch khá lớn, khiến người trồng luôn chịu thiệt thòi*". Trước tình hình trên, đời sống kinh tế của đồng bào Bru-Vân Kiều xã biên giới Trường Sơn còn nhiều khó khăn, thiếu vốn đầu tư, thiếu đất và tư liệu sản xuất,... Đây là những nguyên nhân chính khiến nhiều thanh niên Bru-Vân Kiều nơi đây thực hiện di cư lao động như một cứu cánh để phát triển kinh tế hộ gia đình.

1.2. Tình hình di cư lao động của người Bru-Vân Kiều

Cho tới những năm cuối thế kỷ XX, người Bru-Vân Kiều ở miền núi biên giới huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình vẫn bảo lưu hình thức canh tác nương rẫy truyền thống. Những năm 1993 - 2000, thực hiện chương trình định canh định cư của Nhà nước, đồng bào mới ổn định sinh sống tại các điểm thôn/bản như hiện nay. Theo ông H.T. (58 tuổi, ở bản Khe Cát), từ sau năm 2010, người Bru-Vân Kiều bỏ dần tập quán du canh, chấm dứt du cư, chuyển sang canh tác luân canh trên các thửa đất đã được cộng đồng thừa nhận cho mỗi hộ gia đình và được chính quyền địa phương cấp giấy chứng nhận giao đất. Tuy vậy, tỷ lệ đói nghèo vẫn rất cao, nhiều gia đình chỉ đủ ăn khoảng vài tháng, thời gian còn lại phải dựa vào trợ cấp của Nhà

nước. Lúc này hoạt động di cư lao động chủ yếu là một số nam giới, thanh niên trai tráng đi theo các chủ đầu tư khai thác gỗ sang Lào làm thuê. Việc làm thuê diễn ra trong 6 - 7 tháng mùa khô, từ tháng 9 đến tháng 3, 4 năm sau. Họ đi thành từng đợt, mỗi đợt kéo dài 1 - 3 tháng, thường đi theo nhóm 4 - 5 người, có quan hệ huyết thống, thân tộc. Một số thời điểm họ đưa theo người nhà là phụ nữ đi cùng để trợ giúp các công việc thu dọn, nấu ăn khi làm việc ở trong rừng núi, cách xa các điểm tập trung dân cư.

Sau 2015, việc di cư lao động sang Lào khai thác gỗ đã giảm dần do ít việc, trong khi hệ thống giao thông đường Hồ Chí Minh cả nhánh Đông và Tây được hoàn thiện. Đặc biệt, hệ thống thông tin đại chúng, gồm thông tin mạng internet trở nên phổ biến, khiến mạng lưới quan hệ xã hội của cộng đồng người Bru-Vân Kiều được mở rộng. Qua đó, xuất hiện một số người rời quê hương đi làm thuê giúp việc cho hộ gia đình, trợ giúp dịch vụ buôn bán ở các khu vực thành thị trong và ngoài tỉnh. Một số người khác thì làm việc tại các khu công nghiệp, khu chế xuất ở miền Nam. Những người di cư giai đoạn này phần lớn là nữ giới trong độ tuổi 14 - 25, chưa lập gia đình riêng. Sau đây là con số thống kê của chính quyền xã Trường Sơn về số người đi lao động ngoài địa phương đến cuối năm 2023 (xem Bảng 1).

Bảng 1: Số người đi lao động ngoài địa phương ở xã Trường Sơn từ năm 2021 đến nay³

Số TT	Thôn/Bản	Số người lao động trong nước		Số người xuất khẩu lao động	
		Kinh	Bru-Vân Kiều	Kinh	Bru-Vân Kiều
1	Liên Xuân	23		34	
2	Hồng Sơn	34		72	
3	Long Sơn	19		52	
4	Tân Sơn	41		30	
5	Trung Sơn				5
6	Đá Chát		13		9
7	Chân Trộng		14		2
8	Thượng Sơn		13		2
9	Cây Sứ		14		7
10	Cổ Tràng		26		13
11	Sắt		9		2
12	Khe Cát		32		3
13	Ploang		13		1
14	Nước Đắng		21		6

³ Có 46 lao động tự do rời khỏi địa phương không đăng ký với chính quyền, trong đó có 4 người đi xuất khẩu lao động (XKLĐ) đã hết hạn hợp đồng nhưng chưa đăng ký lại. Ngoài ra, tới tháng 6/2024 xã Trường Sơn còn hơn 40 người đi XKLĐ trong đó có 14 người Bru-Vân Kiều, một số khác chưa được ghi nhận do đang trong thời gian làm thủ tục, đào tạo nghề tại chỗ để đủ điều kiện XKLĐ sang Nhật Bản (UBND xã Trường Sơn, 2023).

15	Hôi Ráy		19		4
16	Bến Đường		7		
17	Rìn Rìn		15		
18	Cây Cà		19		
19	Dốc Mây		5		
20	Tổng số	117	220	188	54
		337		242	

Nguồn: Ủy ban nhân dân xã Trường Sơn, 2023.

So với người Kinh nơi đây có tỷ lệ lao động di cư 46,9% trên tổng số dân, tỷ lệ này ở người Bru-Vân Kiều là 34,7%. Độ tuổi phổ biến của người Bru-Vân Kiều di cư lao động là 16 - 35 tuổi, số người trên 40 tuổi khá hiếm, không có trẻ em và người trên 50 tuổi. Nghiên cứu thực địa cho thấy, đa số người Bru-Vân Kiều di cư lao động thông qua giới thiệu, cung cấp thông tin, hỗ trợ từ những người Kinh ở cùng địa bàn. Khi phỏng vấn, H.T.N (nữ, 23 tuổi, người Bru-Vân Kiều bản Khe Cát) nói: “*Năm 2016, học xong lớp 9, mẹ của bạn học cùng em là người Kinh ở thôn Long Sơn giới thiệu em đi làm giúp việc quán ăn ở thành phố Đồng Hới. Sau đó em quen một số anh chị ở Đồng Hới, năm 2017 họ rủ em vào Bình Dương làm việc ở công ty giày da. Năm 2020 hết việc và do dịch Covid-19 nên em về quê lấy chồng, không đi làm nữa*”. Trường hợp khác là H.V.L. (nữ, 22 tuổi, bản Thượng Sơn): “*Em quen chị C. là người Kinh ở Long Sơn vì trước hay bán mật ong, nắm lim cho chị. Năm 2017 chị bảo có người muốn tuyển công nhân đi làm cho xưởng gỗ ở Đắc Lắc nên em về xin bố mẹ cho đi*”.

Hầu hết các ý kiến phỏng vấn đều cho rằng lựa chọn di cư là tất yếu, bởi ở quê thiếu đất sản xuất, hạn hán, lũ lụt: “*Thanh niên Bru-Vân Kiều học hết lớp 9 thì chọn cách đi làm thuê quanh xã. Bây giờ địa phương ít đất đai, việc làm tại chỗ ít đi, vào rừng kiếm các loại lâm sản đem bán thì cho thu nhập thấp, không ổn định. Vì vậy, mấy năm gần đây mọi người có phong trào đi ra khỏi địa phương tìm việc*” (N.Q.N., 31 tuổi, cán bộ xã Trường Sơn).

Hiện nay, tình hình người Bru-Vân Kiều nơi đây di cư lao động ngày càng tăng do nhu cầu lao động trẻ của các khu chế xuất, khu công nghiệp mới..., đặc biệt là các công ty môi giới và doanh nghiệp, tập đoàn kinh tế thường xuyên tới tận địa phương tuyển dụng lao động. Hơn nữa, nguồn thông tin, hỗ trợ người lao động tìm việc cũng dễ dàng hơn nhờ phát triển các phương tiện hiện đại như internet, điện thoại thông minh. Nắm bắt nhu cầu của người dân, chính quyền xã Trường Sơn luôn quan tâm hỗ trợ cho người lao động di cư, nhất là đối tượng thanh niên bằng cách giới thiệu các công ty, tập đoàn có uy tín về tuyển dụng lao động, trợ giúp xác minh thông tin về các cơ hội việc làm. Vì thế, di cư lao động của giới trẻ người Bru-Vân Kiều trở nên thuận tiện, dễ dàng hơn so với trước đây, trong khi hàng năm đều có những công ty, tập đoàn thực hiện nhiều đợt tuyển dụng lao động tại địa phương, dẫn đến sự thay đổi trong phương thức di cư của đồng bào. Nếu trước đây người dân chủ yếu di cư theo mùa vụ,

làm thuê các công việc trong gia đình, quán ăn, dịch vụ tư nhân..., thì gần đây, gia tăng tình trạng di cư dài ngày để làm việc tại các khu chế xuất, khu công nghiệp. Theo đồng bào, các công việc này có lương ổn định, được đóng bảo hiểm xã hội, có ngày nghỉ theo Luật Lao động Việt Nam. Một số nam giới chủ hộ trẻ tuổi còn lựa chọn định cư tại nơi làm việc, họ mang theo vợ con tới đó, nên không còn thường xuyên gửi tiền về quê mà tập trung phát triển kinh tế tại nơi ở mới. Tính tới tháng 6/2024 có 2 trường hợp ở bản Khe Cát, 2 trường hợp ở bản Cổ Tràng, 1 trường hợp ở bản Nước Đấng đi làm việc tại miền Nam, rồi trở về đưa vợ con cùng di cư, trong đó 1 trường hợp ở bản Khe Cát đã mua được nhà chung cư ở tỉnh Bình Dương.

Hình thức XKLD ở xã Trường Sơn bắt đầu từ một số người Kinh, diễn ra vào những năm 2010 - 2012, sau đó thu hút nhiều người, đặc biệt thanh niên. Qua thảo luận với cán bộ xã Trường Sơn thấy rằng, người Kinh nơi đây di cư lao động xuyên quốc gia tới khoảng 12 nước, vùng lãnh thổ ở các châu lục Á, Âu, Phi; trong khi về thời gian người Bru-Vân Kiều đi XKLD muộn hơn, khoảng năm 2017 - 2018, nhưng tăng nhanh từ sau đại dịch COVID-19, nhất là năm 2022 tới nay. Theo thống kê của Ủy ban nhân dân xã, điểm đến của các lao động người Bru-Vân Kiều chủ yếu là Nhật Bản và Đài Loan. Đa số người Bru-Vân Kiều được phỏng vấn đều chọn Đài Loan là điểm đến, bởi vì yêu cầu kỹ năng lao động không cao, chỉ cần qua đào tạo khoảng 1 tháng có thể sang làm việc. Riêng thị trường Nhật Bản, họ cho biết điều kiện tuyển dụng lao động khắt khe hơn, đòi hỏi đào tạo ngôn ngữ và kỹ năng lao động khoảng 7 - 9 tháng, chi phí ăn ở khi học nghề phải tự lo, song họ vẫn chọn Nhật Bản vì xã hội an toàn và lương cao. Qua nghiên cứu còn cho thấy, người đi XKLD thường dựa vào bên thứ ba là các công ty giới thiệu việc làm. Thông tin của các công ty được truyền tới người Bru-Vân Kiều theo hai nguồn cơ bản: (i) Từ các cơ quan quản lý lao động và việc làm của địa phương thông qua Ủy ban nhân dân xã, bao gồm họp dân, phát hành tờ rơi, pano quảng cáo; (ii) Từ nguồn giới thiệu của bạn bè, người quen đã đi XKLD trước đó. Ở xã Trường Sơn, ngoài số người đi XKLD dựa vào kênh thông tin từ Ủy ban nhân dân xã, không ít trường hợp đi theo môi giới của một người tên H.V.S., ở xã Trường Xuân, huyện Quảng Ninh⁴. Đồng bào ưa thích môi giới của H.V.S., bởi người này đồng tộc, có quan hệ họ hàng, quen biết, nhất là H.V.S. đôi khi còn hỗ trợ cho vay hoặc giới thiệu và đảm bảo cho người có nhu cầu XKLD vay một số gói tín dụng lãi suất thấp.

Tùy độ tuổi, tình trạng hôn nhân, học vấn, điều kiện kinh tế, vai trò cá nhân trong gia đình mà mỗi đối tượng di cư lao động có những mục đích, lựa chọn khác nhau. Những người trẻ, chưa có gia đình thường chọn di cư để phát triển bản thân, nên có tâm lý tìm kiếm công việc và nơi đến theo cảm tính dựa trên cơ sở thu thập thông tin từ người thân hay người quen, thông tin trên phương tiện đại chúng, mạng xã hội. Họ cho rằng mình còn trẻ, còn nhiều thời

⁴ H.V.S. là người Bru-Vân Kiều ở xã Trường Xuân, có nhiều mối quan hệ họ hàng, thân tộc với cộng đồng người Bru-Vân Kiều xã Trường Sơn. Gia đình của S. thuộc dạng “tinh hoa” ở địa phương, có uy tín trong cộng đồng, có người từng làm lãnh đạo huyện. S. bắt đầu giới thiệu người đi XKLD từ những năm 2015 - 2016 (Xem thêm Nguyễn Công Thảo, 2023).

gian và cơ hội để trải nghiệm, lựa chọn nhiều công việc, với nhiều đối tượng ở nhiều địa phương. Trong khi, những người gánh vác kinh tế trong gia đình lại rất thận trọng lựa chọn công việc và điểm đến khi di cư, họ không cho phép thất bại vì đằng sau còn nhiều người đang trông cậy vào họ. Vì thế, những người này khi đi XKLD thường cân nhắc rất kỹ quyết định di cư, do chi phí cho khoản đầu tư ban đầu khá lớn. Thời điểm tháng 6 đầu năm 2024, chi phí đi XKLD ở Đài Loan khoảng 165 - 180 triệu đồng, đi XKLD tại Nhật khoảng 180 - 200 triệu đồng, số tiền này có giá trị tương đương một năm lao động ở nước ngoài. Để đưa một người đi XKLD, mỗi gia đình người Bru-Vân Kiều phải gánh trên vai món nợ khổng lồ, tập trung toàn lực từ vốn tự có của gia đình, vốn vay anh em họ hàng và Ngân hàng Chính sách xã hội. Vì thế, họ tìm kiếm các chỗ dựa “tương đối đảm bảo” khi lựa chọn cơ sở môi giới XKLD.

Nhìn chung, xu hướng di cư lao động của người Bru-Vân Kiều ở xã Trường Sơn đang ngày càng phổ biến, phụ thuộc nhiều yếu tố cả “hút” và “đẩy”. Trong đó, lực “đẩy” bao gồm các yếu tố thiếu đất sản xuất, thiếu việc làm, đói nghèo,... Kể cả sự hỗ trợ tích cực từ phía chính quyền như tuyên truyền, giới thiệu và xác minh thông tin cũng như các hỗ trợ về mặt thủ tục hành chính bao gồm việc tìm kiếm, giới thiệu nguồn vốn tín dụng từ ngân hàng, thực thi các chương trình, chính sách của Chính phủ tới người lao động có nhu cầu di cư lao động.

2. Những lợi ích đem lại từ quá trình di cư lao động

Giải quyết đói nghèo là một trong những mục tiêu chính mà người Bru-Vân Kiều ở xã Trường Sơn di cư lao động. Hầu hết những người di cư thường xuyên gửi tiền về gia đình, tuy có khác biệt giữa các đối tượng, phụ thuộc vào đặc điểm riêng như lứa tuổi, tình trạng hôn nhân, vai trò trong gia đình, kiểu di cư,... “*Cháu lớn nhà tôi học xong lớp 9 (năm 2021) thì đi học lái máy xúc rồi đến Đắc Lắc làm cho công ty trồng cà phê, thỉnh thoảng gửi tiền về phụ giúp cha mẹ*” (H.V.M., 41 tuổi, bản Sắt). “*Chồng em đi miền Nam do gia đình trẻ không có điều kiện phát triển kinh tế tại chỗ nên phải đi làm xa. Vợ chồng trẻ xa cách cũng buồn nhưng không đi thì không biết sống bằng gì. Hàng tháng anh ấy đều gửi tiền về nhà khoảng 4 - 6 triệu đồng, nếu không gửi em sẽ gọi về không cho đi nữa*” (H.T.B., 26 tuổi, bản Khe Cát).

Nếu so sánh với nhóm di cư lao động trong nước, nhóm đi XKLD có lượng tiền gửi về gia đình nhiều hơn: “*Con gái tôi có hoàn cảnh đặc biệt, để lại 4 đứa con, tôi góa chồng mà nuôi thêm hai đứa em đi học, nhà toàn đàn bà con gái lại ít ruộng nên nó tìm cách đi XKLD ở Ả rập từ năm 2017. Lúc đó đi Ả rập không mất tiền phí ban đầu. Năm 2020 nó hết hợp đồng về lại Việt Nam. Năm 2022 nó đi Đài Loan, chi phí 150 triệu. Tiền nó gửi về hồi đi Ả rập mỗi tháng 10 triệu, 7 người trông hết vào đó nên cũng không dành dụm được bao nhiêu, khi nó đi Đài Loan vẫn phải vay Ngân hàng Chính sách 100 triệu*” (H.T.N., 61 tuổi, bản Sắt). “*Chồng em đi Đài Loan làm xây dựng, mỗi tháng gửi về 25 - 27 triệu đồng, đấy là gửi hết khả năng, chỉ giữ lại một ít phòng thân khoảng 5 triệu đồng*” (H.T.T., 36 tuổi, bản Sắt).

Kết quả khảo sát tại các điểm nghiên cứu chỉ ra rằng, nguồn tiền của những người Bru-Vân Kiều xã Trường Sơn di cư lao động gửi về rất có ý nghĩa, cấp bách trong việc giải quyết

nhu cầu sinh hoạt thường nhật của gia đình, bao gồm đầu tư học hành, phát triển sản xuất tại chỗ, khám chữa bệnh,... Các vật dụng đắt tiền nhưng không thể thiếu trong gia đình như xe máy, đồ điện tử, điện lạnh, điện thoại..., cũng là mục tiêu mà người di cư hướng đến. Song, khảo sát thực địa cho thấy, phần lớn tiền gửi về từ những người di cư tới các địa phương nội địa Việt Nam chỉ có thể giải quyết đủ hoặc một phần các nhu cầu nêu trên. Trong khi, việc xây dựng nhà cửa, đầu tư xe cộ, trang bị các phương tiện hiện đại cho cả gia đình là mục đích hướng tới của những người di cư theo diện XKLD. Bởi thực tế tại xã Trường Sơn, hầu hết những người Bru-Vân Kiều đi XKLD trở về đều xây được nhà lớn, mua được nhiều thiết bị và vật dụng hiện đại có giá trị cao. Trường hợp anh H.V.V. ở bản Khe Cát khá đặc biệt, gia đình đã hoàn thiện xây nhà gạch lớn, theo phong cách mới vào năm 2022, sau đó vay thêm tiền đi XKLD để trả nợ. Hiện anh đã làm việc được 1 năm, số tiền gửi về đã thanh toán đủ cho khoản đầu tư chí phí ban đầu, trong hai năm tiếp theo số tiền kiếm được dành để trả nợ xây nhà, gây dựng vốn của gia đình. Hàng tháng anh gửi về gia đình 25 - 27 triệu đồng, mức thu nhập này khá phổ biến đối với những người ở Trường Sơn đi XKLD. Vì vậy, hình thức XKLD đang được đồng bào quan tâm nhiều hơn, đặc biệt là giới trẻ.

Bên cạnh đó, di cư còn giúp cho người lao động làm phong phú thêm nguồn vốn xã hội của cá nhân thông qua kết nối, xây dựng mạng lưới quan hệ xã hội tại nơi đến. Nhờ vậy họ cải thiện, nâng cấp trình độ nhận thức và tích lũy, tạo dựng cho mình thêm nhiều tri thức. Từ đây mở ra các cơ hội để phát triển kinh tế, tìm kiếm hướng đi mới, tích cực phát triển bản thân, nâng cao năng lực trợ giúp nuôi dưỡng gia đình. Những tri thức, văn hóa lĩnh hội được còn góp phần làm hiện đại hóa quê nhà khi họ mang nếp sống, phong cách sinh hoạt mới trở lại địa phương. Điều này dễ dàng nhận thấy ở các thôn/bản người Bru-Vân Kiều xã Trường Sơn từ việc học hỏi cách thức nấu món ăn, thay đổi tập quán sinh hoạt thường nhật như vệ sinh nhà cửa, xây dựng công trình phụ, đầu tư cho giáo dục, phát triển con người, chăm sóc sức khỏe các thành viên trong gia đình, đặc biệt ở đối tượng bà mẹ, trẻ sơ sinh, trẻ em gái,...

Ngoài ra, di cư lao động còn mở ra cơ hội đưa cả gia đình tới định cư ở thành phố, khu kinh tế trọng điểm có mặt bằng đời sống cao hơn so với quê hương. Có thể lúc đầu người di cư không đặt ra mục tiêu này nhưng trong quá trình tiếp nhận công việc mới, các luồng văn hóa và đời sống đô thị cùng với nguồn lực kinh tế tạo dựng được giúp họ đưa cả gia đình di cư theo. Động thái này vừa mang ý nghĩa đoàn tụ, củng cố tinh thần của người di cư, đồng thời đáp ứng nguyện vọng cải thiện cuộc sống, nâng cao chất lượng sống của gia đình. Như đã trình bày, những đối tượng đưa cả gia đình di cư theo thường có xu hướng tập trung nguồn lực kinh tế để củng cố, phát triển cơ ngơi tại nơi ở mới. Việc gửi tiền về quê lúc này không còn được coi là nghĩa vụ mà chỉ có ý nghĩa quà tặng hoặc trợ giúp thân nhân.

3. Một số thách thức trong quá trình di cư lao động

Qua khảo sát tại điểm nghiên cứu cho thấy, quá trình di cư lao động của người Bru-Vân Kiều cũng đối mặt với không ít thách thức. Tình trạng đói nghèo vẫn ở mức khá cao trong cộng đồng người Bru-Vân Kiều, là một trong những yếu tố cản trở cơ hội di cư của lao động

trẻ, đặc biệt với hình thức XKLD. Như đã đề cập, các nơi người Bru-Vân Kiều cư trú không chỉ thuộc vùng đặc biệt khó khăn của tỉnh Quảng Bình mà còn thuộc biên giới Việt Nam - Lào. Hầu hết đều có địa hình rừng núi cao, giao thông đi lại cách trở, ít đất đai sản xuất, môi trường khắc nghiệt, sản xuất nông - lâm nghiệp cho hiệu quả thấp,... “*Bản em có 36 hộ gia đình, ruộng nước có 7ha thuộc vào loại cao nhất xã nhưng điều kiện sản xuất khó khăn, thường xuyên chịu hạn hán, lũ lụt dẫn tới năng suất không cao. Cá biệt có 2 hộ gia đình trong bản sản xuất chỉ đủ ăn vài tháng trong năm*” (PVS. Nam, 36 tuổi, trưởng bản Sắt). Kết quả khảo sát cho thấy, hầu hết các hộ gia đình nghèo đều có thành viên mong muốn di cư lao động, đặc biệt XKLD. Song, khi cân nhắc các điều kiện về vốn tài chính ban đầu và các cơ hội được tuyển dụng làm việc như tiền xe đi lại, tiền ăn, tiền phòng trọ, tiền học nghề, chi phí khi học nghề..., khiến không ít người dân e ngại, trở nên bị động.

Học vấn thấp và thiếu kỹ năng lao động cũng ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng và hiệu quả của người di cư. Nghiên cứu tại xã Trường Sơn cho thấy, so với nhóm người Kinh ở địa phương, hầu hết trẻ em người Bru-Vân Kiều trong độ tuổi đi học chỉ học hết cấp trung học cơ sở rồi nghỉ để đi tìm việc làm trợ giúp gia đình. Đây là một trong những hạn chế cơ bản của giới trẻ người Bru-Vân Kiều khi phần lớn các cơ sở tuyển dụng đều ưu tiên cho các lao động có trình độ trung học phổ thông và cao hơn. Thực tế chỉ ra rằng, hầu hết những người Bru-Vân Kiều di cư lao động trong nước chủ yếu được sắp xếp làm các công việc giản đơn, không đòi hỏi nhiều về kỹ năng lao động như: giúp việc nhà, phụ giúp bán hàng quán hay dịch vụ nhỏ lẻ, làm nông nghiệp cho trang trại,... Một số người khác được tuyển dụng làm công nhân trong các khu chế xuất, khu công nghiệp thì được đào tạo kỹ năng lao động phù hợp với hoạt động sản xuất đặc thù. Kết quả nghiên cứu thực địa còn cho thấy, nhóm người nghèo thường có trình độ học vấn thấp, thiếu kỹ năng lao động, mạng lưới quan hệ xã hội bó hẹp ở địa phương, khiến họ trở nên thụ động, có ít lựa chọn trong hoạt động di cư. Qua so sánh, nếu nhóm người Kinh đi XKLD tới nhiều thị trường trải rộng trên các châu lục Âu, Á, Phi, Úc và làm việc ở nhiều lĩnh vực từ giản đơn tới phức tạp, kể cả một số công việc đòi hỏi kỹ năng, tay nghề cao thì hầu hết nhóm người Bru-Vân Kiều lại chọn thị trường lao động Đài Loan do không cần học tiếng nhiều, công việc chủ yếu là giúp việc nhà, chăm sóc người già, sản xuất nông nghiệp. Một số ít người lựa chọn đi Nhật Bản trong năm 2023 cũng làm việc trông trẻ cho các hộ gia đình, không thể làm việc ở các khu chế xuất, nhà máy công nghiệp. Rõ ràng, nếu các cơ sở đào tạo nghề nghiệp ở địa phương kết hợp được với các doanh nghiệp tuyển dụng để đào tạo hướng nghiệp sâu sát hơn thì hiệu quả đem lại cho người Bru-Vân Kiều di cư lao động sẽ rất đáng kể.

Thách thức khác là do hạn chế về mạng xã hội, khiến cơ hội tiếp cận thông tin về nhu cầu tuyển dụng lao động không được kịp thời, chính xác. Khảo sát thực địa chỉ ra rằng, người Bru-Vân Kiều nơi đây cũng rất quan tâm tìm hiểu nhưng e dè vì ngoài việc phải chuẩn bị số tiền đầu tư ban đầu quá lớn họ còn lo sợ bị lừa đảo, ngay cả khi được bạn bè chỉ dẫn, tiếp xúc

các cuộc tuyển dụng lao động thông qua tổ chức của Ủy ban nhân dân xã. Bằng chứng là một số người đã XKLD thông qua giới thiệu của H.V.S. Bởi theo họ, H.V.S. là người đồng tộc, có uy tín ở địa phương, đã giới thiệu nhiều người đi XKLD thành công, chưa có ai gặp phải sự cố không mong muốn, chi phí ban đầu khá ổn định qua từng đợt, từng năm. Có thể thấy, đồng bào có tâm lý rằng, nếu đi XKLD qua các kênh tuyển dụng khác thì sợ gặp phải các khả năng rủi ro, bởi thế rất muốn có được cơ chế “bảo hiểm” những rủi ro nếu không may xảy ra.

Hỗ trợ từ nguồn vốn chính sách chưa kịp thời cũng là một trong những thách thức, cản trở di cư lao động, điều này thể hiện rõ nhất trong hoạt động XKLD của người Bru-Vân Kiều xã Trường Sơn. Nhận thức được giá trị ưu việt của XKLD, các cấp chính quyền, cơ quan quản lý về lao động, việc làm đã có nhiều động thái tích cực nhưng dường như còn chậm so với thực tế đòi hỏi của thị trường. Cụ thể như việc đi XKLD cần phải có nguồn vốn chi ban đầu khá lớn, giai đoạn những năm 2017 - 2020 nguồn vốn này khoảng 100 - 120 triệu đồng, theo đó người có nguyện vọng XKLD được vay từ Ngân hàng Chính sách xã hội 50 triệu đồng, số còn lại phải tự huy động; giai đoạn năm 2021 - 2024 chi phí ban đầu cho 1 trường hợp khoảng 150 - 220 triệu đồng tùy điểm đến, người có nguyện vọng XKLD được vay từ Ngân hàng Chính sách xã hội 100 triệu đồng. Lúc này các kênh tín dụng cho người Bru-Vân Kiều đi XKLD cũng được mở rộng thêm như cho vay lãi suất thấp của công ty môi giới (tối đa 50 triệu đồng, trả góp 9 triệu đồng x 6 tháng); tạm ứng trước của đơn vị tuyển dụng rồi trừ dần vào lương (mỗi tháng trừ ½ tiền lương, được ứng tối đa 50 triệu đồng);... Song, đối với những hộ dân thuộc diện nghèo, cận nghèo thì đây vẫn là trở ngại đáng kể.

Bên cạnh đó, những vấn đề về quan hệ, tình cảm gia đình..., cũng gây trở ngại mà người di cư Bru-Vân Kiều phải vượt qua. Với yếu tố này, những người đã lập gia đình chịu nhiều áp lực hơn so với thanh niên chưa lập gia đình. Ngoài nỗi nhớ chồng, nhớ vợ, việc chăm sóc gia đình, nuôi dạy con cái..., dồn lên vai người ở lại. Rào cản về tình cảm khiến cho một số người chưa thể di cư lao động, do vấp phải sự ngăn cản từ vợ/chồng của họ. Việc này cũng đã được ghi nhận khi khảo sát tại thực địa. Một số nam thanh niên cho biết rằng, họ chưa thể di cư lao động do vợ ngăn cản, song họ khẳng định sẽ tiếp tục thuyết phục vợ để có thể thực hiện nguyện vọng trong thời gian tới. Nhìn chung, tâm lý của người Bru-Vân Kiều di cư chỉ mong muốn đi làm vài năm, kiếm một số vốn để trở về tạo dựng cơ sở kinh tế tại quê hương.

Kết luận

Tại khu vực biên giới Việt Nam - Lào tỉnh Quảng Bình, di cư lao động ngày càng được nhiều người Bru-Vân Kiều lựa chọn, nhằm cải thiện điều kiện kinh tế, đời sống của gia đình. Phần lớn những người thực hiện di cư thường ở tuổi thanh niên, đã hoặc chưa lập gia đình. Lợi ích kinh tế, xã hội mang lại từ hoạt động di cư lao động là rất lớn, tạo động lực thúc đẩy người dân nhìn nhận vấn đề này như hướng đi mới, thích hợp với họ trong điều kiện ở quê

hương thiếu đất sản xuất, gia tăng dân số, thiếu việc làm có thu nhập cao. Bởi thế, khoảng 10 năm trở lại đây, XKLD trở thành lựa chọn ưu tiên của giới trẻ người Bru-Vân Kiều.

Tuy vậy, việc di cư lao động ở người Bru-Vân Kiều tại khu vực biên giới cũng đang đối mặt với nhiều khó khăn. Đó là tình trạng tỷ lệ hộ nghèo khá cao, chất lượng lao động thấp, mạng lưới xã hội chưa rộng mở..., đặc biệt là chi phí ban đầu để XKLD khá lớn, trình độ học vấn và tâm lý tộc người còn hạn chế. Đây thực sự là những thách thức lớn, đòi hỏi sự nỗ lực hơn nữa của các cấp các ngành và cơ quan chức năng trong việc tạo điều kiện tuyển dụng, đảm bảo quyền lợi cho người di cư lao động là dân tộc thiểu số ở miền núi biên giới như người Bru-Vân Kiều nơi đây khi còn nhiều rào cản về trình độ học vấn và tâm lý tộc người.

Tài liệu tham khảo

1. Lê Minh Anh, Lê Thị Mùi (Đồng chủ biên, 2022), *Mạng lưới xã hội của một số tộc người trong phát triển kinh tế - xã hội vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. Nguyễn Văn Chính (2021), *Di cư, đói nghèo và phát triển*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Clara Jullien (2023), “Các chiến lược thích ứng di động và tại chỗ trong bối cảnh bất ổn toàn cầu: Nghiên cứu tại tỉnh Quảng Ngãi”, *Tạp chí Dân tộc học*, số 2, tr. 104-124.
4. Bùi Xuân Đính, Nguyễn Ngọc Thanh (Đồng chủ biên, 2013), *Một số vấn đề cơ bản về kinh tế - xã hội ở các tỉnh vùng biên giới Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
5. Đặng Văn Minh (2022), *Nghiên cứu di cư và hòa nhập xã hội của nhóm thanh niên dân tộc thiểu số tại các khu công nghiệp*, Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ khoa học cấp Bộ, Ủy ban Dân tộc.
6. Vũ Đình Mười (2020), “Một số vấn đề về di cư lao động làm thuê xuyên biên giới của các tộc người thiểu số vùng biên giới Việt Nam”, *Tạp chí Dân tộc học*, số 6, tr. 15-24.
7. Lý Hành Sơn (2014), “Quan hệ dân tộc xuyên quốc gia trong hoạt động kinh tế ở một số tộc người vùng miền núi phía Bắc”, *Tạp chí Dân tộc học*, số 4, tr. 25-37.
8. Nguyễn Công Thảo (2023), “Vai trò của giới tinh hoa trong thúc đẩy năng lực ứng phó với thiên tai cho người dân ở xã Trường Xuân, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình”, *Tạp chí Dân tộc học*, số 2, tr. 73-87.
9. Ủy ban nhân dân xã Trường Sơn (2023), *Báo cáo tổng kết kinh tế - xã hội năm 2023 và phương hướng triển khai trong năm 2024*.